

Đề cương ôn tập KTCK 1

Bài 6: Ai Cập cổ đại

I. Điều kiện tự nhiên

- Nằm ở phía Đông Bắc châu Phi, là vùng đất dọc theo sông Nin.
- Đất đai màu mỡ, thuận lợi cho canh tác nông nghiệp.
- Sông Nin có lũ hằng năm, giúp bồi đắp phù sa và cung cấp nước tưới cho đồng ruộng.
- Nhà nước ra đời gắn liền với quá trình tổ chức trị thủy và sản xuất.

Vai trò của sông Nin

- Cung cấp nước và phù sa màu mỡ giúp phát triển nông nghiệp.
- Nhờ lũ sông Nin hằng năm tạo nên những đồng bằng tươi tốt nuôi sống cư dân.
- Nhờ sông Nin mà Ai Cập trở nên trù phú giữa vùng sa mạc khô cằn, tạo điều kiện hình thành kinh tế và nhà nước.

II. Những thành tựu văn hóa tiêu biểu

• Toán học – Hình học:

Đã đạt tới trình độ xây kim tự tháp. Ngày nay kế thừa về đường thẳng, góc... và được ứng dụng trong xây dựng công trình.

• Y học – Ướp xác:

Người Ai Cập hiểu rõ về cơ thể người, nội tạng. Việc ướp xác giúp họ có kiến thức giải phẫu, đóng góp vào y học sau này (giải phẫu, khám nghiệm tử thi...).

Bài 7: Lưỡng Hà cổ đại

I. Điều kiện tự nhiên

- Lưỡng Hà nằm trên vùng đất lưu vực hai con sông Tigris và Euphrates.
- Đây là vùng bình nguyên rộng lớn, bằng phẳng, nhận phù sa hằng năm khi nước lũ dâng lên.
- Cư dân biết làm nông nghiệp từ rất sớm.
- Địa hình tự nhiên không có biển giới hiểm trở.

Điều kiện tự nhiên thuận lợi

- Các khu vực thuận lợi cho giao lưu buôn bán.
- Địa hình ít hiểm trở nên dễ dàng trao đổi với vùng xung quanh → kinh tế phát triển.
- Nông nghiệp phát triển, tạo ra nhiều sản phẩm dư thừa để trao đổi.

II. Thành tựu văn hóa tiêu biểu

- **Toán học:**

- Hệ thống đếm cơ số 60 là thành tựu quan trọng và ảnh hưởng đến ngày nay:
- Dùng để tính thời gian (60 giây = 1 phút; 60 phút = 1 giờ).
 - Đo góc trong toán học (360 độ).

Bài 14: Nhà nước Văn Lang – Âu Lạc

II. Nhà nước Âu Lạc

1. Hoàn cảnh ra đời

- Nhà nước Văn Lang suy yếu, đối mặt với giặc ngoại xâm.
- Từ năm 214 TCN đến 208 TCN, nhân dân Âu Việt và Lạc Việt dưới sự lãnh đạo của Thục Phán đánh bại quân xâm lược Tần.
- Sau kháng chiến chống Tần, Thục Phán tự xưng là An Dương Vương.
- An Dương Vương đổi tên nước thành Âu Lạc, dời đô về Phong Khê.

2. Quân sự

- Quy mô lớn, cấu trúc nhiều vòng thành với luỹ đất, thô kiên cố.
- Thành được xây bằng đất và đá, *tường thành cao, khó bị tấn công hoặc xâm nhập*.
- Vị trí xây dựng thuận lợi, nằm trên gò đồi và gần sông, giúp quan sát và kiểm soát các hướng xung quanh.
- Đây là nơi đóng đô và luyện binh của nhà nước Âu Lạc, nhằm bảo vệ đất nước trước ngoại xâm (đặc biệt từ phương Bắc).

BÀI 16. Chính sách cai trị của phong kiến phương Bắc và sự chuyển biến của Việt Nam thời kì Bắc thuộc

I. Chính sách cai trị của chính quyền phong kiến phương Bắc đối với nước ta

1. Chính sách cai trị về hành chính thời Hán

- Nhà Hán chia lại khu vực hành chính và tổ chức bộ máy cai trị.
- Nước Âu Lạc chia làm **3 quận**, nằm trong bộ Giao Chỉ, đứng cùng với 6 quận thuộc đất Trung Quốc thành **9 quận**.
- Đứng đầu Giao Chỉ có một viên Thủ sử; đứng đầu quận có một viên Thái thú, đều là người Hán.
- Từ năm 43, mỗi huyện, châu, huyện lệnh đứng đầu đều là người Hán.

→ Mục đích:

- Dễ dàng cai trị và kiểm soát nhân dân ta.
- Xóa bỏ quốc gia, lãnh thổ độc lập của người Việt.
- Thiết lập quyền kiểm soát trực tiếp của chính quyền Hán.
- Kiểm soát chặt chẽ để ngăn chặn các cuộc đấu tranh giành độc lập của người Việt.

2. Chính sách bóc lột về kinh tế – xã hội

- Thi hành chính sách **đồn điền**, nhằm giữ đất đai mới chiếm được và nắm đất đai của nhân dân ta.
- Tăng cường thu thuế, thuê, sưu dịch cho chính quyền đô hộ.
- Thi hành chính sách công nạp.
- Chính quyền đô hộ còn nắm độc quyền **sản xuất và mua bán muối, sắt**.

→ Mục đích:

- Nhân dân không còn ruộng đất cày cấy.
- Vơ vét, bóc lột nhân dân.
- Làm giàu cá nhân và kiểm soát nền kinh tế của người Việt.
- Ảnh hưởng đến sức khỏe dân ta vì không có nguyên liệu, vũ khí.

3. Chính sách đồng hóa của nhà Hán

- Truyền bá Nho giáo và quan chế nhà Hán.
- Bắt nhân dân ta học **chữ Hán**, nói tiếng Hán.
- Cho người Hán sang sống cùng người Việt.
- Bắt nhân dân thay đổi phong tục, tập quán theo người Hán.

→ Mục đích:

- Đồng hóa nhân dân ta về tôn giáo, lễ nghi, văn hóa để dễ cai trị.
- Người Việt quên đi ngôn ngữ của dân tộc mình.
- Biến người Việt thành “người Hán hóa”.
- Giảm bớt ảnh hưởng của phong tục, tín ngưỡng bản địa Việt.

Những chuyển biến về kinh tế, xã hội

1. Chuyển biến về kinh tế

- Công cụ sắt ngày càng phổ biến, thay thế công cụ đồng.
- Biết dùng cày và sử dụng sức kéo trâu bò trong nông nghiệp.
- Biết đắp đê, phòng lũ lụt, bảo vệ mùa màng.
- Một số nghề thủ công mới xuất hiện và phát triển như làm giấy, đúc tiền, làm đồ trang sức.
- Nhiều tuyến đường giao thông được mở rộng.

2. Những chuyển biến về xã hội

Giống nhau:

- Tổ chức cơ cấu xã hội đều có bộ phận nông dân công xã (nông dân tự do).
- Bộ phận thấp kém nhất trong xã hội là nô tì.

Khác nhau:

- Tổ chức cơ cấu xã hội thời **Văn Lang, Âu Lạc**, đứng đầu là vua, giúp việc cho vua có Lạc hầu, Lạc tướng và Bồ chính.
- Tổ chức cơ cấu xã hội thời **Bắc thuộc**, đứng đầu là Quan lại đô hộ của Trung Quốc; tầng lớp trên xã hội thay bằng địa chủ Hán hoặc hào trưởng Việt; có thêm bộ phận nông dân lẻ (tư) thuộc.